ARCHITECTURE GOVERNANCE POLICY

CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ KIẾN TRÚC

Deliberate Decisions • Documented Trade-offs • Evolve, Don't Ossify

Tổ chức / Organization	[Tên tổ chức]
Chủ sở hữu / Document Owner	Chief Architect / Kiến trúc sư trưởng
Phê duyệt / Approved by	Engineering Governance Council
Ngày hiệu lực / Effective Date	[DD/MM/YYYY]
Phiên bản / Version	1.0
Chu kỳ rà soát / Review Cycle	Hằng năm, hoặc ngay khi có thay đổi đáng kể về cấu trúc tổ chức kỹ thuật hoặc chiến lược công nghệ
Tài liệu cấp trên / Parent Documents	Engineering Constitution v1.0 (Tầng 1); Software Development Governance Policy v1.0 (Tầng 2)
Phân loại / Classification	INTERNAL

SAMPLE DOCUMENT

A. Kiểm soát tài liệu

DOCUMENT CONTROL

Phiên bản	Ngày	Người soạn	Mô tả thay đổi
1.0	[DD/MM/YYYY]	[Tên / Vai trò]	Ban hành lần đầu

B. Mục lục nội dung

CONTENTS

- 1. Mục đích
- 2. Phạm vi áp dụng
- 3. Liên kết với Engineering Constitution
- 4. Định nghĩa
- 5. Yêu cầu bắt buộc
- 6. Vai trò và trách nhiệm
- 7. Đo lường tuân thủ
- 8. Cơ chế ngoại lệ
- 9. Không tuân thủ
- 10. Chủ sở hữu tài liệu và chu kỳ rà soát
- 11. Tài liệu liên quan
- 12. Phê duyệt

1. Mục đích

PURPOSE

1. Bảo đảm các quyết định kiến trúc quan trọng của tổ chức được đưa ra một cách có chủ đích, dựa trên bằng chứng, được ghi nhận lại và có thể truy vết — thay vì phụ thuộc vào trí nhớ cá nhân hoặc quyết định không được kiểm chứng.
2. Mở rộng sâu Điều 5.8 (Quyết định dựa trên bằng chứng — ADR) và Điều 5.9 (Tái sử dụng trước khi xây mới) của Software Development Governance Policy (SDGP) vào một lĩnh vực cụ thể: quản trị kiến trúc hệ thống.
3. Giúp kiến trúc hệ thống tiến hóa có kiểm soát theo thời gian, tránh hai thái cực: "kiến trúc đóng băng" (không ai dám thay đổi) và "kiến trúc hỗn loạn" (mỗi đội tự quyết, không có sự nhất quán tối thiểu).

Chính sách này bổ sung cho SDGP, không thay thế — mọi yêu cầu chung về SDLC, vai trò, ngoại lệ và không tuân thủ tại SDGP vẫn áp dụng đầy đủ.

2. Phạm vi áp dụng

SCOPE

- Mọi quyết định kiến trúc phần mềm ảnh hưởng đến nhiều hệ thống/đội, hoặc khó và tốn kém để đảo ngược, theo tiêu chí phân loại tại Điều 5.1.
- Việc lựa chọn hoặc bổ sung công nghệ mới (ngôn ngữ, framework, cơ sở dữ liệu, message broker, nền tảng hạ tầng) vào hệ thống production.
- Áp dụng cho toàn bộ đội kỹ thuật, kể cả khi làm việc với nhà thầu/đối tác bên ngoài thiết kế kiến trúc thay mặt tổ chức.
- Không áp dụng cho các quyết định kỹ thuật cục bộ trong phạm vi một service/module, không ảnh hưởng ra bên ngoài và dễ đảo ngược (Điều 5.1.3).

3. Liên kết với Engineering Constitution

ALIGNMENT WITH THE CONSTITUTION

Yêu cầu trong Policy	Nguyên tắc Constitution tương ứng
5.1 Ngưỡng quyết định kiến trúc quan trọng & cơ chế rà soát tương xứng quy mô	Điều 4 — Segregation of Duties; Điều 1 — Business Value First
5.2 Architecture Decision Record (ADR) bắt buộc	Điều 8 — Evidence over Opinion; Điều 5 — Everything as Code Where Practical
5.3 Danh mục công nghệ được chấp thuận (Technology Catalog/Radar)	Điều 9 — Reuse Before Build; Điều 6 — Observable and Operable by Default
5.4 Nguyên tắc kiến trúc cốt lõi	Điều 2 — Security and Privacy by Design; Điều 7 — Small, Reversible Changes

5.5 Đánh giá nợ kiến trúc định kỳ	Điều 8 — Evidence over Opinion; Điều 10 — Continuous Learning
5.6 Kiểm tra tái sử dụng trước khi duyệt xây mới	Điều 9 — Reuse Before Build
5.7 Ngoại lệ kiến trúc (deviation)	Điều 7 — Small, Reversible Changes

4. Định nghĩa

DEFINITIONS

- **Quyết định kiến trúc quan trọng (Significant Architecture Decision):** quyết định kỹ thuật đáp ứng một hoặc nhiều tiêu chí phân loại tại Điều 5.1 — ảnh hưởng nhiều hệ thống/đội, khó đảo ngược, chi phí sai lầm cao, hoặc ảnh hưởng bảo mật/tuân thủ.
- **Architecture Decision Record (ADR):** tài liệu ngắn gọn ghi lại một quyết định kiến trúc quan trọng, gồm tối thiểu: bối cảnh, các phương án đã xem xét, quyết định được chọn và hệ quả. Khái niệm này bắt nguồn từ bài viết "Documenting Architecture Decisions" của Michael Nygard (2011) và đã trở thành thực hành phổ biến trong ngành.
- **Architecture Review Board (ARB) / Kiến trúc sư trưởng (Chief Architect):** cơ chế rà soát quyết định kiến trúc quan trọng — có thể là một hội đồng (tổ chức lớn, nhiều đội) hoặc một cá nhân kiến trúc sư trưởng (tổ chức nhỏ), tùy quy mô, theo Điều 5.1.2.
- **Danh mục công nghệ (Technology Catalog / Technology Radar):** danh sách công nghệ phân loại theo mức độ chấp thuận sử dụng. Hình thức trình bày theo "radar" hình vòng tròn được phổ biến rộng rãi qua ấn phẩm Technology Radar do ThoughtWorks khởi xướng từ năm 2010.
- **C4 Model:** phương pháp trực quan hóa kiến trúc phần mềm theo bốn tầng chi tiết tăng dần (Context, Container, Component, Code) do Simon Brown phát triển. Policy này khuyến nghị dùng làm ngôn ngữ sơ đồ chung khi trình bày bối cảnh trong ADR (Điều 5.2.5), không bắt buộc thay thế các ký hiệu tổ chức đã dùng ổn định.
- **TOGAF ADM:** Architecture Development Method — phương pháp phát triển kiến trúc theo chu trình nhiều pha, thuộc The Open Group Architecture Framework (TOGAF). Đây là một khung kiến trúc doanh nghiệp toàn diện, thường phù hợp với tổ chức lớn cần hoạch định kiến trúc ở tầm doanh nghiệp; tổ chức đã áp dụng TOGAF ADM có thể lồng ghép ADR của Policy này như hồ sơ bằng chứng cho các pha quyết định của ADM, còn tổ chức chưa dùng TOGAF không bắt buộc phải áp dụng để tuân thủ Policy này.
- **Nợ kiến trúc (Architecture Debt):** phần chênh lệch tích lũy giữa kiến trúc hiện trạng của hệ thống/tổ chức và kiến trúc mục tiêu mong muốn, phát sinh từ các đánh đổi có chủ đích hoặc từ kiến trúc không còn theo kịp yêu cầu nghiệp vụ/công nghệ — ở tầm hệ thống/tổ chức, khác với nợ kỹ thuật ở tầm mã nguồn.
- **Ngoại lệ kiến trúc (Architecture Deviation):** trường hợp một hệ thống được phép đi chệch khỏi nguyên tắc kiến trúc cốt lõi hoặc danh mục công nghệ đã duyệt, có ghi nhận lý do và kế hoạch quay lại chuẩn, theo cơ chế ngoại lệ chung tại SDGP Điều 8.

5. Yêu cầu bắt buộc

MANDATORY REQUIREMENTS

5.1 Ngưỡng quyết định kiến trúc quan trọng và cơ chế rà soát tương xứng quy mô

1. Một quyết định kỹ thuật **PHẢI (MUST)** được coi là "quyết định kiến trúc quan trọng" và qua rà soát theo Policy này nếu thỏa ít nhất một trong các tiêu chí sau:
   - Ảnh hưởng từ hai hệ thống/đội trở lên, hoặc thay đổi ranh giới tích hợp giữa các hệ thống.
   - Khó hoặc tốn kém để đảo ngược sau khi triển khai (ví dụ: chọn cơ sở dữ liệu chính, chọn nền tảng nhắn tin/message broker, thay đổi mô hình dữ liệu cốt lõi).
   - Có chi phí lớn nếu quyết định sai — đòi hỏi nỗ lực đáng kể để xây lại hoặc gây gián đoạn cho hệ thống được tổ chức xếp hạng quan trọng đối với nghiệp vụ, nếu tổ chức có phân loại mức độ quan trọng.
   - Ảnh hưởng trực tiếp đến bảo mật, quyền riêng tư dữ liệu, hoặc nghĩa vụ tuân thủ pháp lý/hợp đồng.
   - Đưa một công nghệ (ngôn ngữ, framework, cơ sở dữ liệu, dịch vụ nền tảng) chưa có trong danh mục đã duyệt (Điều 5.3) vào hệ thống production.
2. Cơ chế rà soát **PHẢI (MUST)** tương xứng với quy mô tổ chức — mục tiêu là bảo đảm quyết định được xem xét bởi người/nhóm có đủ năng lực và góc nhìn toàn cục, không phải tạo ra thủ tục hành chính nặng nề:
   - Tổ chức có nhiều đội kỹ thuật, nhiều hệ thống phức tạp cùng vận hành **NÊN (SHOULD)** thiết lập một Architecture Review Board (ARB) rà soát các quyết định ảnh hưởng xuyên nhiều mảng/toàn tổ chức, hoặc thay đổi danh mục công nghệ dùng chung.
   - Để tránh ARB trở thành nút thắt cổ chai làm chậm tốc độ ra quyết định, tổ chức lớn **NÊN (SHOULD)** phân cấp rà soát: quyết định chỉ ảnh hưởng trong phạm vi một mảng/nhóm đội liên quan chặt chẽ **CÓ THỂ (MAY)** do kiến trúc sư phụ trách mảng đó hoặc một nhóm Tech Lead liên quan phê duyệt, không nhất thiết phải chờ ARB cấp toàn tổ chức họp.
   - Tổ chức quy mô nhỏ, ít đội kỹ thuật **ĐƯỢC PHÉP (MAY)** thay thế ARB bằng cơ chế đơn giản hơn: một kiến trúc sư trưởng (Chief Architect) hoặc kỹ sư trưởng cấp cao chịu trách nhiệm rà soát và phê duyệt, miễn là người này độc lập tương đối với người đề xuất quyết định trong đa số trường hợp.
   - **KHÔNG ĐƯỢC PHÉP (MUST NOT)** áp đặt việc thành lập một ARB đầy đủ như tổ chức lớn cho một đội kỹ thuật nhỏ nếu điều đó chỉ tạo thêm tầng phê duyệt hình thức mà không có ai đủ năng lực hoặc thời gian tham gia thực chất — trong trường hợp đó, cơ chế kiến trúc sư trưởng đơn giản hơn được ưu tiên.
3. Các quyết định kỹ thuật không thỏa tiêu chí tại khoản 1 được coi là quyết định cục bộ, thuộc thẩm quyền của đội kỹ thuật liên quan, không bắt buộc phải qua rà soát kiến trúc chính thức — dù vẫn khuyến khích ghi nhận lại nếu có giá trị tham khảo lâu dài.

5.2 Architecture Decision Record (ADR) bắt buộc

1. Mọi quyết định kiến trúc quan trọng theo Điều 5.1 **PHẢI (MUST)** được ghi lại bằng một ADR, với cấu trúc tối thiểu gồm bốn phần: **Bối cảnh (Context)** — vấn đề cần giải quyết và ràng buộc; **Phương án đã xem xét (Options Considered)** — các phương án khả thi kèm ưu/nhược điểm chính; **Quyết định**

(Decision) — phương án được chọn và lý do; **Hệ quả (Consequences)** — tác động, đánh đổi và rủi ro còn tồn tại.

2. ADR **PHẢI (MUST)** được lưu trữ tập trung theo phương pháp docs-as-code (ví dụ: thư mục ADR dạng văn bản thuần đặt cùng kho mã nguồn liên quan, hoặc một không gian tài liệu kiến trúc dùng chung có kiểm soát phiên bản) — không lưu rải rác trong tin nhắn chat, email cá nhân hoặc ghi chú cuộc họp không được đối chiếu lại.
3. ADR đã được phê duyệt và triển khai **KHÔNG ĐƯỢC PHÉP (MUST NOT)** bị sửa lại nội dung gốc để "viết lại lịch sử". Khi quyết định thay đổi theo thời gian, **PHẢI (MUST)** tạo một ADR mới ghi rõ ADR nào bị thay thế (superseded by) và lý do thay đổi, giữ nguyên ADR cũ làm hồ sơ lịch sử.
4. Mức độ chi tiết của ADR **NÊN (SHOULD)** tương xứng với mức độ quan trọng của quyết định — một ADR ngắn gọn nhưng đầy đủ bốn phần tại khoản 1 vẫn hợp lệ.
5. Khi bối cảnh hoặc giải pháp trong ADR cần minh họa cấu trúc hệ thống, tác giả **NÊN (SHOULD)** kèm sơ đồ trực quan hóa theo một ký hiệu nhất quán trong tổ chức (khuyến nghị tham khảo C4 Model — Điều 4) để người rà soát và người đọc sau này dễ đồng hiểu, thay vì chỉ mô tả bằng văn xuôi.

5.3 Danh mục công nghệ được chấp thuận (Technology Catalog / Radar)

1. Tổ chức **PHẢI (MUST)** duy trì một danh mục công nghệ được chấp thuận, phân loại tối thiểu theo các nhóm: đã chấp thuận dùng rộng rãi cho hệ thống mới, đang thử nghiệm có kiểm soát (pilot), không khuyến khích dùng thêm (đang giảm dần), và không được dùng cho hệ thống mới.
2. Việc đưa một công nghệ mới vào danh mục, hoặc dùng công nghệ mới cho một hệ thống production, **PHẢI (MUST)** qua quy trình đề xuất tối thiểu gồm: mô tả nhu cầu, đối chiếu với công nghệ đã có trong danh mục (liên kết Điều 5.6), đánh giá rủi ro vận hành/bảo mật/khả năng tìm nhân sự hỗ trợ, và được cơ chế rà soát tại Điều 5.1.2 phê duyệt.
3. Danh mục công nghệ **NÊN (SHOULD)** được rà soát và cập nhật định kỳ (tối thiểu mỗi năm một lần) để phản ánh đúng thực trạng công nghệ đang dùng và xu hướng ngành, tránh trở thành tài liệu lỗi thời không ai tuân theo.
4. Việc dùng công cụ AI hỗ trợ lập trình không thuộc phạm vi danh mục công nghệ kiến trúc tại Điều này — nội dung đó thuộc AI-Assisted Software Development Policy (AISDP).

5.4 Nguyên tắc kiến trúc cốt lõi

Khi thiết kế hoặc rà soát kiến trúc hệ thống, các nguyên tắc sau **PHẢI (MUST)** được xem xét một cách có ý thức và ghi nhận lý do nếu không áp dụng — đây là các nguyên tắc cần cân nhắc nghiêm túc, không phải yêu cầu áp dụng cứng nhắc 100% trong mọi tình huống:

1. **Liên kết lỏng (Loose Coupling):** hạn chế phụ thuộc chặt giữa các hệ thống/thành phần để một thay đổi ở nơi này không kéo theo thay đổi bắt buộc và tức thời ở nhiều nơi khác.
2. **API-first / hợp đồng giao tiếp rõ ràng (API Contract):** ranh giới giữa các hệ thống/thành phần **NÊN (SHOULD)** được định nghĩa qua một hợp đồng giao tiếp (API contract) rõ ràng, có phiên bản, thay vì phụ thuộc vào chi tiết triển khai nội bộ của nhau.
3. **Tránh điểm lỗi đơn (Single Point of Failure) cho hệ thống quan trọng:** hệ thống được xếp hạng quan trọng đối với nghiệp vụ **NÊN (SHOULD)** được thiết kế để không phụ thuộc vào một thành phần duy nhất mà khi hỏng sẽ làm ngưng toàn bộ dịch vụ, tương xứng với yêu cầu về mức độ sẵn sàng đã cam kết.

4. **Khả năng mở rộng tương xứng nhu cầu (Right-sized Scalability):** kiến trúc **NÊN (SHOULD)** được thiết kế đáp ứng đúng quy mô tải và tốc độ tăng trưởng dự kiến của nghiệp vụ — tránh cả hai thái cực: thiết kế không chịu được tải thực tế, và đầu tư quá mức vào khả năng mở rộng chưa cần đến, theo tinh thần Business Value First tại Constitution Điều 1.
5. **Kiểm soát tự động khi khả thi (Automated Fitness Functions):** với hệ thống đã có ranh giới kiến trúc rõ ràng, đội kỹ thuật **CÓ THỂ (MAY)** mã hóa một phần nguyên tắc kiến trúc thành các kiểm tra tự động chạy trong pipeline (ví dụ: kiểm tra không cho phép tầng giao diện gọi thẳng vào tầng dữ liệu), theo tinh thần "architectural fitness function" được phổ biến qua sách "Building Evolutionary Architectures" (Neal Ford, Rebecca Parsons, Patrick Kua). Đây là biện pháp khuyến khích để phát hiện sớm vi phạm kiến trúc, không bắt buộc với mọi hệ thống.

5.5 Đánh giá nợ kiến trúc định kỳ

1. Tổ chức **PHẢI (MUST)** thực hiện đánh giá nợ kiến trúc (architecture debt) định kỳ ở tầm hệ thống/tổ chức — tối thiểu mỗi năm một lần đối với các hệ thống quan trọng — nhằm nhận diện phần chênh lệch giữa kiến trúc hiện trạng và kiến trúc mục tiêu.
2. Kết quả đánh giá nợ kiến trúc **NÊN (SHOULD)** được ghi nhận cùng mức độ ưu tiên xử lý và ảnh hưởng nếu không xử lý, làm cơ sở cho việc lập kế hoạch đầu tư kỹ thuật (technical investment roadmap).
3. Nợ kiến trúc phát sinh từ một quyết định có ADR ghi nhận đánh đổi có chủ đích (Điều 5.2) **NÊN (SHOULD)** được đối chiếu lại định kỳ để xác nhận đánh đổi đó còn hợp lý hay đã đến lúc xử lý.

5.6 Kiểm tra khả năng tái sử dụng trước khi phê duyệt xây mới

1. Trước khi phê duyệt một quyết định "xây mới" (build) theo Điều 5.1, người/cơ chế rà soát kiến trúc **PHẢI (MUST)** xác nhận đã cân nhắc đầy đủ các phương án thay thế theo đúng thứ tự ưu tiên tại SDGP Điều 5.9 (tái sử dụng năng lực/dịch vụ nội bộ đã có, mua/dùng giải pháp có sẵn, mở rộng hệ thống hiện có) trước khi chấp thuận xây dựng mới.
2. Việc xác nhận này **PHẢI (MUST)** được thể hiện trong ADR liên quan (Điều 5.2), tại phần "Phương án đã xem xét" — không chấp nhận ADR bỏ qua hoàn toàn việc đối chiếu reuse/buy/extend khi quyết định là xây mới.
3. Chi tiết quy trình đánh giá reuse/buy/extend áp dụng theo đúng SDGP Điều 5.9; Policy này không lặp lại mà chỉ bổ sung yêu cầu về việc thể hiện kết quả đánh giá đó trong ADR.

5.7 Ngoại lệ kiến trúc (Architecture Deviation)

1. Một hệ thống **ĐƯỢC PHÉP (MAY)** đi chệch khỏi nguyên tắc kiến trúc cốt lõi (Điều 5.4) hoặc danh mục công nghệ đã duyệt (Điều 5.3) khi có lý do chính đáng (ví dụ: ràng buộc từ đối tác/khách hàng, hệ thống kế thừa chưa thể tái cấu trúc ngay, thời hạn kinh doanh cấp thiết).
2. Ngoại lệ kiến trúc **PHẢI (MUST)** được ghi nhận rõ lý do và kèm kế hoạch quay lại chuẩn kiến trúc (remediation plan) có mốc thời gian, theo đúng cơ chế ngoại lệ chung tại SDGP Điều 8.
3. Ngoại lệ kiến trúc còn hiệu lực **NÊN (SHOULD)** được đối chiếu lại trong lần đánh giá nợ kiến trúc gần nhất (Điều 5.5) để xác nhận kế hoạch quay lại chuẩn vẫn đang được thực hiện.

> **Không lặp lại nội dung của SDGP:** các yêu cầu về SDLC, vai trò/trách nhiệm chung, đo lường tuân thủ tổng thể, cơ chế ngoại lệ và không tuân thủ đã được quy định đầy đủ tại SDGP. Policy này chỉ mở rộng sâu phần quản trị kiến trúc (SDGP Điều 5.8, 5.9); khi có xung đột hoặc trùng lặp diễn giải, quy định chung tại SDGP được ưu tiên áp dụng.

6. Vai trò và trách nhiệm

ROLES & RESPONSIBILITIES

- **Chief Architect / Kiến trúc sư trưởng (Document Owner):** chủ trì hoặc tham gia cơ chế rà soát kiến trúc (Điều 5.1); phê duyệt/duy trì danh mục công nghệ (Điều 5.3); chủ trì đánh giá nợ kiến trúc định kỳ (Điều 5.5).
- **Architecture Review Board (nếu có):** rà soát và phê duyệt quyết định kiến trúc quan trọng ảnh hưởng xuyên nhiều mảng/toàn tổ chức, theo Điều 5.1.2.
- **Engineering Governance Council:** phê duyệt Policy này và các sửa đổi; là cấp giải quyết khi có bất đồng giữa các đội về một quyết định kiến trúc.
- **Kỹ sư/Tech Lead đề xuất quyết định:** soạn ADR đầy đủ theo Điều 5.2, thực hiện đánh giá reuse/buy/extend theo Điều 5.6 trước khi trình rà soát.
- **Engineering Teams:** tuân thủ nguyên tắc kiến trúc cốt lõi (Điều 5.4); báo cáo ngoại lệ kiến trúc đang áp dụng cho hệ thống mình phụ trách.

7. Đo lường tuân thủ

COMPLIANCE MEASUREMENT

- Tỷ lệ quyết định kiến trúc quan trọng (theo tiêu chí Điều 5.1) có ADR tương ứng được lưu trữ đúng nơi quy định.
- Số lượng và tỷ lệ ADR có thể hiện rõ phần đánh giá reuse/buy/extend khi quyết định là xây mới (Điều 5.6).
- Tỷ lệ công nghệ đang dùng trong hệ thống production nằm trong danh mục đã duyệt (Điều 5.3).
- Số lượng ngoại lệ kiến trúc đang mở, tỷ lệ có kế hoạch quay lại chuẩn còn trong hạn (Điều 5.7).
- Tần suất và mức độ đầy đủ của đánh giá nợ kiến trúc định kỳ (Điều 5.5) so với chu kỳ tối thiểu quy định.

8. Cơ chế ngoại lệ

EXCEPTIONS

Áp dụng theo đúng cơ chế và giới hạn tại Engineering Constitution, Điều 8 và SDGP, Điều 8. Ngoại lệ kiến trúc cụ thể theo Điều 5.7 của Policy này áp dụng chung cơ chế đó, chỉ bổ sung yêu cầu riêng về kế hoạch quay lại chuẩn kiến trúc.

9. Không tuân thủ

NON-COMPLIANCE

Áp dụng theo đúng nguyên tắc tại SDGP, Điều 9: báo cáo và khắc phục cho vi phạm thông thường; chỉ xem xét kỷ luật lao động — qua HR/Pháp chế, theo Nội quy lao động — đối với hành vi cố ý (ví dụ: cố tình triển khai công nghệ ngoài danh mục cho hệ thống production mà không qua rà soát hoặc ngoại lệ hợp lệ, hoặc cố ý không ghi ADR để né tránh rà soát một quyết định biết rõ là quan trọng).

10. Chủ sở hữu tài liệu và chu kỳ rà soát

DOCUMENT OWNERSHIP & REVIEW CYCLE

Document Owner: Chief Architect / Kiến trúc sư trưởng. Chu kỳ rà soát: hằng năm, hoặc ngay khi có thay đổi đáng kể về cấu trúc tổ chức kỹ thuật hoặc chiến lược công nghệ.

11. Tài liệu liên quan

RELATED DOCUMENTS

- Engineering Constitution v1.0, Software Development Governance Policy v1.0 (Tầng 1-2)
- AI-Assisted Software Development Policy v1.0 (Tầng 2)
- Technology Catalog / Technology Radar, ADR Template, Architecture Principles Standard (Tầng 3/4)
- Tham khảo học thuật (không bắt buộc tuân thủ toàn văn): ISO/IEC/IEEE 42010:2022 — Software, systems and enterprise — Architecture description, cho tổ chức muốn chuẩn hóa sâu hơn cách mô tả kiến trúc.

Mọi quyết định kiến trúc quan trọng đều có bối cảnh, có phương án đã cân nhắc, có lý do và có hệ quả được viết ra;
danh mục công nghệ tồn tại để giúp lựa chọn nhanh hơn, không phải để cấm đoán sáng tạo có kiểm soát;
kiến trúc được phép tiến hóa, nợ kiến trúc được phép tồn tại tạm thời — miễn là được nhìn thấy, đo lường và có kế hoạch xử lý;
và không quyết định quan trọng nào chỉ tồn tại trong trí nhớ của một người.

12. Phê duyệt

APPROVAL

Vai trò	Họ tên	Chữ ký	Ngày
Chair, Engineering Governance Council			
Chief Technology Officer			
Chief Architect (Document Owner)			
Head of Engineering			